

ôn tập về câu lệnh rẽ nhánh, for, kiểu danh sách
trong python
35 Câu hỏi

TÊN : _____
LỚP : _____
NGÀY : _____



Đoạn chương trình sau in ra màn hình kết quả là gì?

```
a=[2,5,3,7,8]
```

```
print(a[3])
```

2.

```
a=[2,-5,-3,7,8]
```

```
dem=0
```

```
for i in a:
```

```
    if i>0: dem=dem+1
```

```
print(dem)
```

Đoạn chương trình sau in giá trị nào ra màn hình?



Đoạn chương trình sau in ra màn hình kết quả là gì?

```
a=[2,5,3,7,8];
```

```
print(len(a))
```

?

4. `hoa_qua = ["apple", "banana", "cherry"]`
`hoa_qua.insert(2, "mango")`
`print(hoa_qua)`
Hàm insert dùng để làm gì?

- | | | | |
|----------------------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------------------|
| ☐ A | xóa phần tử ở vị trí bất kỳ | ☐ B | thêm phần tử vào cuối danh sách |
| ☐ C | thêm phần tử vào vị trí bất kỳ | ☐ D | xóa phần tử cuối danh sách |

5. `hoa_qua = ["apple", "banana", "cherry"]`
`print(len(hoa_qua))`
Đoạn chương trình sau cho kết quả gì?

- | | | | |
|----------------------------|---|----------------------------|---|
| ☐ A | 1 | ☐ B | 4 |
| ☐ C | 2 | ☐ D | 3 |

6. Kết quả sau khi thực hiện đoạn chương trình sau là gì?
`a = [10,4,9.8,'abc',8]`
`print(a[2])`

- | | | | |
|----------------------------|-----|----------------------------|-------|
| ☐ A | 4 | ☐ B | 'abc' |
| ☐ C | 9.8 | ☐ D | 8 |

7. Để xóa 1 phần tử trong danh sách, ta dùng lệnh:

- | | | | |
|----------------------------|--------|----------------------------|-----|
| ☐ A | delete | ☐ B | del |
| ☐ C | insert | ☐ D | len |

8. Lệnh thêm phần tử vào cuối danh sách là:

- | | | | |
|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
| ☐ A | <danh sách> append() | ☐ B | <danh sách> : append() |
| ☐ C | <danh sách> . append() | ☐ D | <danh sách> = append() |

9.



Hàm `a.append(x)` có ý nghĩa là gì?
Chọn đáp án đúng.

- | | | | |
|----------------------------|---|----------------------------|--|
| ☐ A | Bổ sung phần tử x vào cuối danh sách. | ☐ B | Tìm vị trí phần tử x xuất hiện đầu tiên tính từ đầu danh sách. |
| ☐ C | Tìm vị trí phần tử x xuất hiện đầu tiên tính từ cuối danh sách. | ☐ D | Bổ sung phần tử x vào đầu danh sách. |

10. Phát biểu nào Sai khi nói về kiểu dữ liệu list trong Python?

- | | | | |
|----------------------------|--|----------------------------|---|
| ☐ A | Các phần tử của list có thể có kiểu dữ liệu khác nhau. | ☐ B | Cần khai báo số phần tử và kiểu dữ liệu của từng phần tử để chương trình dịch biết. |
| ☐ C | Không cần khai báo số phần tử của list. | ☐ D | Không cần khai báo kiểu dữ liệu cho các phần tử của list. |

11. Trong python, phần tử đầu tiên từ trái sang phải bắt đầu từ chỉ số thứ?

- | | | | |
|----------------------------|----|----------------------------|---|
| ☐ A | -1 | ☐ B | 0 |
| ☐ C | 1 | ☐ D | 2 |

12. Đoạn chương trình sau in ra kết quả gì?
`a = [1,2,3,4,5]`
`print(a[0])`

- | | | | |
|----------------------------|---|----------------------------|---|
| ☐ A | 2 | ☐ B | 0 |
| ☐ C | 1 | ☐ D | 3 |

13. `hoa_qua = ["apple", "banana", "cherry"]`
`print(type(hoa_qua))`
`print(hoa_qua)`
Biến `hoa_qua` có kiểu dữ liệu là gì?

- | | | | |
|----------------------------|-------|----------------------------|--------|
| ☐ A | tuple | ☐ B | string |
| ☐ C | list | ☐ D | int |

14. `hoa_qua = ["apple", "banana", "cherry"]`
`hoa_qua.remove("apple")`
`print(hoa_qua)`

Hàm remove dùng để làm gì?

- | | | | |
|----------------------------|--------------------------------|----------------------------|--|
| ☐ A | xóa phần tử ở vị trí bất kỳ | ☐ B | thêm phần tử vào cuối danh sách |
| ☐ C | thêm phần tử vào vị trí bất kỳ | ☐ D | xóa một giá trị cụ thể trong danh sách |

15. `hoa_qua = ["apple", "banana", "cherry"]`
`print(hoa_qua[3])`

- | | | | |
|----------------------------|--------|----------------------------|--------|
| ☐ A | banana | ☐ B | lỗi |
| ☐ C | apple | ☐ D | cherry |

16. Lệnh `range(n)` trả lại *vùng giá trị* gồm n số từ:

- | | | | |
|----------------------------|-----------|----------------------------|-------------|
| ☐ A | 1 đến n | ☐ B | 0 đến n |
| ☐ C | 0 đến n+1 | ☐ D | 0 đến n - 1 |

17. `range(2,101)` sẽ tạo ra:

- | | | | |
|----------------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------------|
| ☐ A | Một dãy số từ 2 đến 100 | ☐ B | Một dãy số từ 2 đến 101 |
| ☐ C | Một dãy số từ 0 đến 100 | ☐ D | Một dãy số từ 1 đến 100 |

18. Cho các câu lệnh sau, hãy chỉ ra câu lệnh đúng:

- | | | | |
|----------------------------|--|----------------------------|--|
| ☐ A | <code>x = 0</code> for i in range(10): x = x + 1 | ☐ B | <code>x = 0</code> for i in range(10): x = x + 1 |
| ☐ C | <code>x = 0</code> for i in range(10) x = x + 1 | ☐ D | <code>x = 0</code> for i in range(10): x = x + 1 |

19. `for i in range(10):`
`print(i)`
Câu lệnh `print(i)` được thực hiện mấy lần

- | | | | |
|----------------------------|----|----------------------------|----|
| ☐ A | 11 | ☐ B | 12 |
| ☐ C | 9 | ☐ D | 10 |

20. Trong Python, câu lệnh nào dưới đây được viết *đúng*?

- | | | | |
|----------------------------|--|----------------------------|---|
| ☐ A | <code>for i in range(10): print(A).</code> | ☐ B | <code>for i in range(10) print("A").</code> |
| ☐ C | <code>for i in range(10): print("A").</code> | ☐ D | <code>for i in range(10): prin("A").</code> |

21. Trong Python, đoạn chương trình sau đưa ra kết quả gì?

```
for i in range(10, 0, -1):  
    print(i, end=",")
```

☐ A Đưa ra 10 dấu cách

☐ B 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

☐ C 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1

☐ D Không đưa ra kết quả gì

22. Câu lệnh nào sau đây đúng?

☐ A if thang==1: print('thang co 31 ngay')

☐ B

```
if  
n>100 print('so lon    else :print('so nho  
      hon 100)      hon 100')  
:
```

☐ C if a % 2==0: print('a la so day')

☐ D if 2*x then print('pt vô nghiệm')

23. Em hãy chọn tên biến hợp lệ trong Python:

☐ A 10tin

☐ B _tin10

☐ C tin 10

☐ D tin10@

24. Cho đoạn chương trình Python sau:

```
a=int(input('a='))
```

```
if a<12:
```

```
    print('Morning!')
```

```
else:
```

```
    print('Afternoon!')
```

Nếu nhập vào a=14, chương trình in ra kết quả là gì?

☐ A 14

☐ B 12

☐ C Morning!

☐ D Afternoon!

25. Trong câu lệnh

```
if <điều kiện> :
```

```
    câu lệnh
```

Câu lệnh được thực hiện khi?

☐ A Không cần kiểm tra điều kiện

☐ B Điều kiện cho giá trị đúng

☐ C Điều kiện cho giá trị sai

26. Cho đoạn lệnh sau:

```
if x % 2 == 0:
```

```
    print(x, "là số chẵn")
```

Điều kiện " $x \% 2 == 0$ " có nghĩa là gì?

- | | | | |
|----------------------------|---|----------------------------|---|
| ☐ A | Kiểm tra x có chia hết cho 2 hay không | ☐ B | Kiểm tra 2 có chia hết cho x hay không |
| ☐ C | Kiểm tra x chia 2 có phần nguyên bằng bao nhiêu | ☐ D | Kiểm tra x có phải số nguyên tố hay không |

27.

```
1 a = 7
2 b = 5
3 if a != b :
4     print(" a và b khác nhau ")
5 else:
6     print(" a và b bằng nhau ")
7
```

Kết quả khi chạy chương trình là gì?

- | | | | |
|----------------------------|------------------|----------------------------|------------------|
| ☐ A | a và b khác nhau | ☐ B | a và b bằng nhau |
| ☐ C | lỗi chương trình | | |

28. Trong câu lệnh python

```
If <điều kiện> : <câu lệnh 1>
```

```
else : <câu lệnh 2> ;
```

Câu lệnh 2 được thực hiện khi nào?

- | | | | |
|----------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| ☐ A | Câu lệnh 1 đã được thực hiện | ☐ B | Điều kiện biểu thức sai |
| ☐ C | Điều kiện biểu thức đúng | | |

29. Biểu thức $[(x+y)*z]-(x^2-y^2)$ chuyển sang Python là:

- | | | | |
|----------------------------|-----------------------|----------------------------|---------------------|
| ☐ A | $((x+y)*z)-(x*x-y*y)$ | ☐ B | $((x+y)*z)-(x2-y2)$ |
| ☐ C | $((x+y)*z)-(x2-y2)$ | ☐ D | $(x+y)*z-x*x-y*y$ |

30. Trong python, Để kiểm tra 3 Cạnh tạo thành tam giác hay không thì câu lệnh nào sau đây đúng?

- | | | | |
|----------------------------|---|----------------------------|---|
| ☐ A | <code>if (a+b>c) or(a+c>b or (b+c>a) :print('tạo thành tam giác')</code> | ☐ B | <code>if (a+b>c) or(a+c>b or (b+c>a) :write('tạo thành tam giác')</code> |
| ☐ C | <code>if (a+b>c) and(a+c>b and (b+c>a): print('tạo thành tam giác')</code> | ☐ D | <code>if (a+b>c) and(a+c>b and (b+c>a): write('tạo thành tam giác')</code> |

31. Cho cấu trúc rẽ nhánh:

IF <điều kiện> :

<câu lệnh 1>

else:

<câu lệnh 2>

Câu lệnh 1 được thực hiện khi nào?

- | | | | |
|----------------------------|----------------|----------------------------|-----------------|
| ☐ A | Điều kiện đúng | ☐ B | Câu lệnh 1 đúng |
| ☐ C | Câu lệnh 1 sai | ☐ D | Điều kiện sai |

32. Để hiển thị nội dung lên màn hình, chúng ta sử dụng câu lệnh nào ?

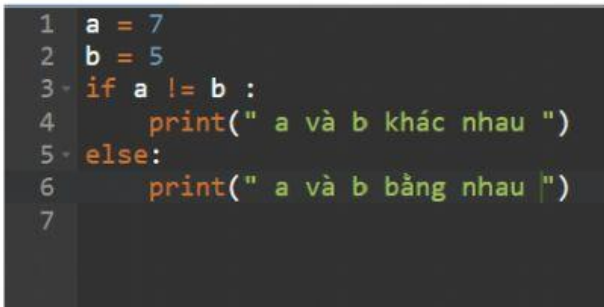
- | | | | |
|----------------------------|----------|----------------------------|-----------|
| ☐ A | print() | ☐ B | write() |
| ☐ C | screen() | ☐ D | display() |

33. Cho cấu trúc rẽ nhánh:

IF <điều kiện> : <câu lệnh>

Nếu điều kiện SAI thì chương trình như thế nào?

- | | | | |
|----------------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------------|
| ☐ A | Chương trình dừng một lúc | ☐ B | Chương trình báo lỗi |
| ☐ C | Chương trình thực hiện câu lệnh | ☐ D | Chương trình bỏ qua câu lệnh |

34. 

Kết quả khi chạy chương trình là gì?

- | | | | |
|----------------------------|------------------|----------------------------|------------------|
| ☐ A | chương trình lỗi | ☐ B | a và b bằng nhau |
| ☐ C | a và b khác nhau | | |

35. Cấu trúc Rẽ nhánh có mấy dạng?

- | | | | |
|----------------------------|---|----------------------------|---|
| ☐ A | 3 | ☐ B | 4 |
| ☐ C | 2 | ☐ D | 1 |

